

tra Bộ, Tổng cục, Ủy ban thanh tra tỉnh, thành chỉ đạo việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, cho các Ban thanh tra nhân dân qua các cuộc hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm hoặc qua các lớp tập huấn ngắn ngày.

b) Cơ quan thanh tra chuyên trách cấp trên trực tiếp có trách nhiệm hướng dẫn công tác, nghiệp vụ cho các Ban thanh tra nhân dân, cụ thể là:

— Các Ủy ban thanh tra huyện, khu phố, thị xã hướng dẫn công tác, nghiệp vụ cho các Ban thanh tra nhân dân xã, tiểu khu, thị trấn, các Ban thanh tra nhân dân của các đơn vị cơ sở kinh tế, sự nghiệp trực thuộc sự quản lý của huyện, khu phố, thị xã.

— Các Ban thanh tra của sở, ty, công ty hướng dẫn công tác nghiệp vụ cho các Ban thanh tra nhân dân của các đơn vị cơ sở kinh tế, sự nghiệp trực thuộc sự quản lý của sở, ty, công ty.

— Các Ban thanh tra của Bộ, Tổng cục hướng dẫn công tác nghiệp vụ cho các Ban thanh tra nhân dân của các đơn vị cơ sở kinh tế, sự nghiệp trực thuộc sự quản lý của ngành.

— Trường hợp chưa có cơ quan thanh tra chuyên trách cấp trên trực tiếp thì cơ quan thanh tra chuyên trách trên 1 cấp chịu trách nhiệm hướng dẫn công tác, nghiệp vụ cho các Ban thanh tra nhân dân.

— Ban thanh tra ở các ngành, Ủy ban thanh tra ở các cấp, tùy theo trách nhiệm được giao ở trên, phải chú ý bàn bạc, trao đổi để phối hợp giúp đỡ nhau trong việc tổ chức và hướng dẫn hoạt động cho các Ban thanh tra nhân dân ở cơ sở.

c) Nội dung hướng dẫn bao gồm các vấn đề sau:

— Có kế hoạch bàn bạc và hướng dẫn cho thủ trưởng đơn vị cơ sở đứng ra tổ chức Ban thanh tra nhân dân.

— Hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân về cách xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra từng thời kỳ, xác định đề tài, yêu cầu, nội dung thanh tra. Hướng dẫn về phương pháp công tác và lề lối làm việc của Ban thanh tra nhân dân.

— Yêu cầu lãnh đạo đơn vị cơ sở hoặc cấp trên giải quyết những kiến nghị đúng đắn của thanh tra nhân dân đề ra, tạo điều kiện cho Ban thanh tra nhân dân làm đúng chức năng của mình.

Trên đây, Ủy Ban thanh tra của Chính phủ hướng dẫn một số điểm về các ngành, các địa phương bước đầu tổ chức và hướng dẫn hoạt động cho các Ban thanh tra nhân dân.

Đề nghị Mặt trận và các đoàn thể thường xuyên trao đổi với Ủy ban thanh tra của Chính phủ về việc hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện quyết định số 25-TTg.

Trong quá trình thực hiện, các ngành, các địa phương phản ánh cho Ủy ban thanh tra của Chính phủ biết ý kiến đề nghị cứu, quy định tiếp theo.

Hà-nội, ngày 15 tháng 4 năm 1976

Chủ nhiệm

Ủy ban thanh tra của Chính phủ  
NGUYỄN VĂN LỘC

## BỘ XÂY DỰNG

**THÔNG TƯ số 558-BXD/VKT7 ngày 23-3-1976 quy định nội dung và định mức tỷ lệ phụ phí thi công trong xây dựng cơ bản.**

Ngày 25 tháng 10 năm 1968. Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước đã ban hành thông tư số 159-UB/KTXD tập hợp và hệ thống hóa nội dung và định mức tỷ lệ phụ phí thi công các công trình xây dựng cơ bản, đồng thời quy định lại phương pháp tính các loại định mức tỷ lệ phụ phí thi công các công trình công nghiệp và dân dụng.

Những năm tiếp theo, Nhà nước đã ban hành một số chế độ phụ cấp mới, (phụ cấp lưu động, phụ cấp công trường, v.v...) có liên quan tới công nhân viên chức làm việc trên các công trường xây dựng. Do đó, các loại định mức tỷ lệ phụ phí thi công đối với các công trình xây dựng trong ngành giao thông vận tải, lâm nghiệp, thủy lợi đã được xây dựng lại và thay thế bằng các định mức tỷ lệ phụ phí mới.

Riêng định mức tỷ lệ phụ phí thi công các công trình công nghiệp và dân dụng, đường ống dẫn dầu, xây dựng bê xăng, đường dây bưu điện, đường dây điện cao thế, công tác lắp máy, lắp đặt điện, đường ống, công tác trồng mới và chăm sóc cây lâu năm mới trồng, v.v... có loại mới được bổ sung thêm các mức phụ cấp lưu động, có loại chưa được tính thêm các loại phụ cấp đó.

Sau một thời gian nghiên cứu và có sự thỏa thuận của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, Bộ Xây dựng ban hành thông tư này nhằm mục đích quy định lại nội dung và định mức tỷ lệ phụ phí thi công các công trình công nghiệp và dân dụng, xây dựng đường ống dẫn dầu, xây dựng bê xăng, đường dây bưu điện, đường dây điện cao thế, công tác lắp máy, lắp đặt điện, đường ống, công tác trồng mới và chăm sóc cây lâu năm mới trồng, cho phù hợp với các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước.

## A. NỘI DUNG CHI PHÍ

TT	Nội dung chi phí	Ghi chú
1	2	3
	<b>I. Chi phí quản lý hành chính.</b>	
	Chi phí quản lý hành chính là những khoản chi nhằm đảm bảo cho việc tổ chức bộ máy quản lý và chỉ đạo sản xuất bao gồm:	
1	<i>Tiền lương chính và phụ cấp lương</i> (phụ cấp lưu động, phụ cấp công trường, phụ cấp thâm niên, v.v,...) từ ban chủ nhiệm công ty, ban chỉ huy công trường, các ban, phòng nghiệp vụ, cán bộ kỹ thuật ra hiện trường hướng dẫn thi công, bộ phận trắc đạc phục vụ thi công, bộ phận cung ứng, thủ kho, bảo vệ, y tế, tạp vụ, văn thư, công nhân lái xe con.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lương và mọi khoản chi của bộ phận sản xuất phụ như: nung vôi, gạch, ngói, khai thác đá, cát, sỏi, v.v..., trạm thu mua vật liệu (trạm ở đây là của đơn vị tự tổ chức), trạm trung chuyển đều tính vào giá thành sản xuất phụ hoặc giá thành vật liệu, không tính vào phụ phí thi công.</li> <li>- Các cán bộ nhân viên đi lò hoặc công tác xây dựng trong hang hầm được tính thêm khoản chi về tắm nước nóng và bồi dưỡng hiện vật theo chế độ hiện hành vào khoản mục này.</li> </ul>
2	<i>Phụ cấp ngoài lương</i> (tiền trích về bảo hiểm xã hội 4,70% của tổng quỹ lương).	
3	<i>Tiền thuốc thông thường, thuốc phụ khoa</i> cấp ở cơ quan, xí nghiệp, thuốc cấp ở phòng khám, thuốc phòng bệnh, phòng dịch, tiền xe cồng người ốm đi viện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền thuốc, tiền bồi dưỡng khi ốm đau điều trị ngoại trú và nội trú tại bệnh viện do bệnh viện chi.</li> </ul>
4	<i>Chi về dụng cụ y tế, vệ sinh.</i>	
5	<i>Chi về tiền tàu, xe, đồ, phà khi nghỉ phép năm.</i>	
6	<i>Chi về ánh sáng, nước làm việc và sinh hoạt, nước uống</i> theo tiêu chuẩn trong khi làm việc,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí đào giếng, đặt đường điện — nước lúc ban đầu được chi vào mục kiến thiết cơ bản khác (tại nơi thi công).</li> </ul>
7	<i>Chi về công tác phí</i> theo chế độ hiện hành.	
8	<i>Giao thông phí</i> bao gồm: tiền xăng, dầu cho mô-tô, ô-tô con dùng cho cán bộ, nhân viên đi công tác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu đơn vị tại công không có ô-tô con, phải đi thuê để cán bộ, nhân viên đi công tác, thì tiền thuê xe đó được tính vào đây.</li> </ul>
9	<i>Hành chính phí</i> bao gồm: văn phòng phẩm, giấy, bút, mực cho tổ đội thi công.	

09637301

1	2	3
10	<i>Bưu phí</i> bao gồm: tiền thuê máy điện thoại, tiền đàm thoại, tiền công điện, tem công văn. Nơi nào không có đường điện thoại thì lương của người liên lạc được tính vào đây.	- Chi phí đặt đường điện thoại lúc ban đầu chỉ vào mục kiến thiết cơ bản khác.
11	<i>Nghiệp vụ phí</i> bao gồm: dụng cụ vẽ kỹ thuật, bàn tính, thước tính; tiền mua sổ sách, tài liệu nghiệp vụ (tự in hoặc thuê in các loại tài liệu đó).	- Không bao gồm tiền mua các máy đo đạc, thí nghiệm tính vi đất tiền.
12	<i>Chi về bảo hộ lao động</i> cho cán bộ, nhân viên ra hiện trường hướng dẫn thi công như: ủng, áo mưa, mũ cứng, v.v... theo chế độ hiện hành.	
13	<i>Khấu hao và chi phí sửa chữa thường xuyên các dụng cụ quản lý</i> đạt tiêu chuẩn tài sản cố định hiện hành như: máy tính, máy chữ, ô-tô con, két sắt, v.v...	- Nếu nhà ở của cán bộ, nhân viên đi thuê thì tiền thuê nhà đó chỉ vào kinh phí lán trại (hoặc kinh phí nhà ở) theo chế độ hiện hành.
14	<i>Phân bổ giá trị và chi phí sửa chữa thường xuyên dụng cụ quản lý</i> (bàn, ghế, tủ, dụng cụ văn phòng khác); dụng cụ sinh hoạt (giường, thùng gánh nước, chậu giặt, v.v...) không đạt tiêu chuẩn tài sản cố định hiện hành.	- Bàn, ghế, tủ dùng cho đoàn thể: Đảng, công đoàn, Đoàn thanh niên, phụ nữ của công ty, công trường được tính vào khoản mục này.
15	<i>Chi phí về chè, nước, đề tiếp khách.</i>	- Chi tiếp chuyên gia do bên A chi.
16	<i>Chi về động viên thi đua, sơ kết, tổng kết năm</i> theo chế độ hiện hành.	
<b>II. Chi phí phục vụ công nhân.</b>		
Chi phí phục vụ công nhân trực tiếp thi công là những khoản chi nhằm đảm bảo mức sinh hoạt của công nhân trực tiếp sản xuất theo chế độ hiện hành bao gồm:		
17	<i>Lương và phụ cấp lương của công nhân trực tiếp thi công</i> như: lương những ngày nghỉ lễ, nghỉ phép năm, nghỉ luyện tập quân sự theo nghĩa vụ hàng năm, nghỉ đề học tập, hội họp, v.v...; phụ cấp tổ trưởng, phụ cấp lưu động, phụ cấp công trường, phụ cấp thâm niên (nếu có); bồi dưỡng ca ba, nóng, độc có hại.	- Lương những ngày mưa, bão, lụt chỉ vào mục thiệt hại do thiên tai. - Phụ cấp công trường của những ngày lao động trực tiếp đã tính vào chi phí trực tiếp. - Đối với công nhân đi lò làm việc trong hầm than thì khoản mục này còn được chi thêm khoản tắm nước nóng và bồi dưỡng biện vật theo chế độ hiện hành.

1	2	3
18	<i>Phụ cấp ngoài lương</i> (tiền trích bảo hiểm xã hội 4,7% của tổng quỹ lương).	
19	<i>Tiền thuốc thông thường, thuốc phụ khoa cấp ở cơ quan, xí nghiệp, thuốc cấp ở phòng khám, thuốc phòng bệnh, phòng dịch, tiền cáng người ốm đi viện.</i>	- Tiền thuốc, tiền bồi dưỡng khi ốm đau điều trị ngoại và nội trú tại bệnh viện do bệnh viên chi.
20	<i>Chi phí về tiền tàu, xe, đò, phà khi nghỉ phép năm.</i>	
21	<i>Chi về ánh sáng, nước sinh hoạt, nước uống theo tiêu chuẩn trong khi làm việc.</i>	- Chi về đào giếng, đại đường điện - nước lúc ban đầu được chi vào mục kiến thiết cơ bản khác (tại nơi thi công).
22	<i>Phân bổ giá trị và chi phí sửa chữa thường xuyên dụng cụ sinh hoạt cho công nhân theo chế độ hiệu hành như: giường, thùng gánh nước, chậu giặt, v.v...</i>	
23	Ở công trường có sử dụng cả lao động thủ công và xe máy thì công thì các khoản chi tương tự như từ điểm 17 đến 21 trên đây cho công nhân điều khiển xe máy thì công cũng đã tính trong định mức.	
<b>III. Chi phí phục vụ thi công</b>		
Chi phí phục vụ thi công là những khoản chi cần thiết để phục vụ cho quá trình sản xuất bao gồm :		
24	<i>Khấu hao và chi phí sửa chữa thường xuyên các công cụ thi công đạt tiêu chuẩn tài sản cố định hiện hành như: tời, pa-lăng, kích, v.v...</i>	- Chi phí cho xe máy thi công đã tính vào chi phí trực tiếp. - Chi phí cho xe vận tải, nguyên nhiên vật liệu được tính vào giá trị vật liệu hoặc chi phí trực tiếp, không tính vào phụ phí thi công.
25	<i>Phân bổ giá trị và chi phí sửa chữa thường xuyên các dụng cụ thi công không đạt tiêu chuẩn tài sản cố định hiện hành như: cuốc, sừng, quang, sọt, dao bay, v.v...</i>	
26	<i>Chi về an toàn lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất theo chế độ hiện hành như: áo quần lao động, ủng, giày, kính bảo hộ, v.v...</i>	

1	2	3
27	<i>Chi phí về lán trại tạm thời loại nhỏ tại hiện trường như: lán che mưa, nắng, lán hồ vữa, hàng rào ngăn hồ vôi, ngăn đường cụt, nhà vệ sinh, v.v...</i>	
28	<i>Chi phí về mô hình hướng dẫn thi công, về thí nghiệm vật liệu, về thử đất, đo đạc nhỏ phục vụ thi công, chi về mô hình triển lãm nếu có.</i>	- Chi phí đo đạc nhỏ phục vụ thiết kế, chi vào thiết kế phí.
29	<i>Chi phí điều động công nhân chuyên nghề trong đơn vị thi công như: thợ mộc, thợ nề, thợ bê tông, thợ lắp máy, v.v...</i>	
30	<i>Chi phí bảo quản kho tàng, vật liệu, kiểm kê định kỳ, kê cả chi về các phương tiện, dụng cụ cân, đong, đo, đếm.</i>	
31	<i>Chi phí chạy thử máy để đơn vị thi công xác định chất lượng lắp máy của mình.</i>	- Các chi phí chạy thử máy có tải, chạy thử để bàn giao, sản xuất thử đều do bên A chi.
32	<i>Chi phí dọn dẹp để bàn giao công trình.</i>	
<b>IV. Các chi phí khác.</b>		
Các chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh có tính chất chung cho toàn công ty, công trường bao gồm:		
33	<i>Chi phí bảo vệ công trường, chi phí về phòng và chống bão, lụt, cháy (kể cả các chi phí về phương tiện dụng cụ dùng vào những việc này).</i>	- Lương của bộ phận bảo vệ đã tính ở phần tổ chi phí quản lý hành chính, không có trong khoản mục này.
34	<i>Chi phí tuyển mộ, di chuyển nhỏ, cho thôi việc ở các trường hợp lẻ tẻ.</i>	
35	<i>Chi phí sửa chữa nhỏ doanh trại, đường sá, cống rãnh, điện nước, chi đặt thêm một vài bóng đèn, vòi nước.</i>	
36	<i>Chi phí bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho công nhân theo chế độ hiện hành.</i>	

**Các khoản chi ngoài định mức tỷ lệ:**

Chi thị số 2431-UB/TC ngày 6-9-1964 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về giá thành công tác xây lắp đã quy định các chi phí sau đây không được tính khi lập kế hoạch, nhưng được hạch toán vào giá thành xây lắp, nếu trong thực tế có xảy ra.

1. Những thiệt hại về phá đi làm lại do đơn vị thi công không đảm bảo kỹ thuật hoặc làm sai đồ án thiết kế.

2. Những thiệt hại về ngừng sản xuất do đơn vị thi công gây ra.

3. Những thiệt hại trong thi công do khuyết điểm chủ quan của đơn vị thi công gây ra như: tiền phạt lưu kho, lưu bãi, vi phạm hợp đồng kinh tế, lãi do nợ quá hạn, thiếu hụt vật liệu do hư hao quá mức (sau khi đã trừ phần bồi thường của người gây ra hao hụt)...

## B. ĐỊNH MỨC TỶ LỆ PHỤ PHÍ

Đơn vị tính : %

Số TT	Đối tượng áp dụng	Tổng cộng định mức (4+5+6+7)	Trong đó chia ra			
			Quản lý hành chính	Phục vụ công nhân	Phục vụ thi công	Chi phí khác
1	2	3	4	5	6	7
1	<b>Các công trình kiến trúc công nghiệp và dân dụng.</b>					
	a) Nơi có phụ cấp khu vực từ 12% trở xuống.					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	12,10	3,20	4,40	4,10	0,40
	— Mức có phụ cấp lưu động 5 %	12,90	3,30	5,10	4,10	0,40
	— — 8 %	13,40	3,34	5,56	4,10	0,40
	— — 10 %	13,70	3,37	5,83	4,10	0,40
	b) Nơi có phụ cấp khu vực từ 15 % trở lên.					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	12,70	3,50	4,70	4,10	0,40
	— Mức có phụ cấp lưu động 5 %	13,50	3,58	5,42	4,10	0,40
	— — 8 %	13,90	3,62	5,78	4,10	0,40
— — 10 %	14,30	3,65	6,15	4,10	0,40	
2	<b>Công tác phá nổ hàng mìn trong hang hầm.</b>					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	19,60	3,80	8,83	6,47	0,50
	— Mức có phụ cấp lưu động 5%	21,40	4,33	10,10	6,47	0,50
	— — 8%	22,40	4,63	10,80	6,47	0,50
— — 10%	23,20	4,90	11,33	6,47	0,50	
3	<b>Xây dựng các loại bể xăng, dầu.</b>					
	a) Loại bể bán thành phẩm (bình quân các mức phụ cấp lưu động)	1,00	0,21	0,48	0,29	0,02
	b) Loại bể tự gia công ngoài trời.					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	7,00	1,50	3,11	2,23	0,16
	— Mức có phụ cấp lưu động 5%	7,50	1,59	3,52	2,23	0,16
	— — 8%	7,80	1,64	3,77	2,23	0,16
	— — 10%	8,00	1,68	3,93	2,23	0,16
	c) Loại bể tự gia công trong hang hầm.					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	9,00	1,93	3,99	2,88	0,20
	— Mức có phụ cấp lưu động 5%	9,50	2,03	4,38	2,88	0,20
	— — 8%	9,80	2,09	4,63	2,88	0,20
	— — 10%	10,00	2,15	4,79	2,88	0,20
	4	<b>Xây dựng đường ống dẫn dầu theo tuyến.</b>				
— Mức không có phụ cấp lưu động		98,00	26,63	38,33	29,54	3,50
— Mức có phụ cấp lưu động 5%		104,00	27,37	43,59	29,54	3,50
— — 8%		107,70	27,87	46,79	29,54	3,50
— — 10%	110,10	28,17	48,89	29,54	3,50	
5	<b>Công tác lắp máy, lắp đặt điện, đường ống (kể cả đường ống dẫn dầu trong khu vực bể) lắp đặt hệ thống tín hiệu đường sắt.</b>					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	97,00	26,52	38,13	29,36	3,00
	— Mức có phụ cấp lưu động 5%	103,00	27,28	43,36	29,36	3,00
	— — 8%	107,00	27,77	46,87	29,36	3,00
— — 10%	109,00	28,05	48,59	29,36	3,00	

1	2	3	4	5	6	7
6	<b>Xây dựng đường dây bưu điện.</b>					
	a) Xây dựng cột cao, cáp, nội, hạt.					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	107,30	31,46	41,45	31,79	2,60
	— Mức có phụ cấp lưu động 5%	114,30	32,69	41,22	31,79	2,60
	— — 8%	118,50	33,52	50,59	31,79	2,60
	— — 10%	121,40	33,94	53,07	31,79	2,60
	— — 15%	128,00	34,82	58,79	31,79	2,60
	b) Xây dựng đường dây đường dài (kể cả đường dây thông tin đường dài đường sắt).					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	114,30	34,49	44,97	32,04	2,80
	— Mức có phụ cấp lưu động 5%	121,30	35,52	50,94	32,04	2,80
	— — 8%	125,50	36,15	54,50	32,04	2,80
	— — 10%	128,40	36,55	57,01	32,04	2,80
	— — 15%	135,00	37,27	62,89	32,04	2,80
7	<b>Xây dựng đường dây điện cao thế.</b>					
	— Mức không có phụ cấp lưu động	115,80	34,79	45,54	32,47	3,00
	— Mức có phụ cấp lưu động 5%	122,80	35,82	51,55	32,47	3,00
	— — 8%	127,00	36,45	55,14	32,47	3,00
	— — 10%	129,80	36,85	57,56	32,47	3,00
	— — 15%	136,60	37,58	63,57	32,47	3,00
	— — 20%	143,10	38,19	69,58	32,47	3,00
	— — 25%	149,50	38,42	75,59	32,47	3,00
	— — 30%	155,50	38,50	81,60	32,47	3,00
8	<b>Trồng mới và chăm sóc cây lâu năm mới trồng.</b>	88,00	24,90	42,50	18,50	2,90

### C. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Phương pháp áp dụng các định mức tỷ lệ phụ phí:

a) Các định mức tỷ lệ phụ phí quy định ở các điều 1, 2, 3 trong bản định mức tỷ lệ (mục B) trên đây được nhân thẳng với chi phí trực tiếp của dự toán công trình, không bao gồm chi phí trực tiếp khác.

Công thức tính:  $P = f \times (NC + VL + M)$

Trong đó: — P là phụ phí thi công,  
— f là định mức tỷ lệ % về phụ phí thi công,  
— NC chi phí nhân công,  
— VL chi phí vật liệu,  
— M chi phí sử dụng máy.

b) Định mức tỷ lệ phụ phí quy định ở các điều 4, 5, 6, 7, 8 trong bản định mức tỷ lệ (mục B) trên đây được nhân thẳng với tiền lương cơ bản của công nhân trực tiếp thi công của dự toán công trình, không bao gồm một loại phụ cấp nào khác (kể cả phụ cấp công trường 10 % tiền lương).

Công thức tính:  $P = f \times TL$

Trong đó TL là tiền lương cơ bản của công nhân.

2. Các định mức tỷ lệ phụ phí quy định trong văn bản này được tính theo các mức có phụ cấp lưu động khác nhau. Do đó, khi lập dự toán công trình sẽ xảy ra hai trường hợp và được giải quyết như sau:

a) Nếu đã biết công trình xây dựng sẽ do đơn vị xây lắp nào thi công, thì đơn vị lập dự toán

Khi áp dụng đúng định mức tỷ lệ phụ phí có mức phụ cấp lưu động (5%, 8%, 10% v.v...) mà Nhà nước đã quy định cho đơn vị đó được hưởng, để tiện việc thanh toán.

b) Nếu chưa biết rõ công trình xây dựng sẽ do đơn vị xây lắp nào thi công, thì đơn vị lập dự toán tạm tính định mức tỷ lệ phụ phí có mức phụ cấp lưu động cao nhất của từng loại công trình tương ứng trong văn bản này.

Khi đã xác định được đơn vị thi công công trình, các bên A, B và Chi hàng kiến thiết phụ trách cấp phát có trách nhiệm điều chỉnh lại định mức tỷ lệ phụ phí như đã nói ở điểm (a) trong mục (2) này.

3. Các công trình tạm xây dựng để phục vụ thi công công trình chính có kết cấu thuộc loại công trình nào, được áp dụng định mức tỷ lệ phụ phí thi công của công trình tương ứng đó.

4. Phụ phí thi công đối với các loại nhà xây dựng bằng khung sắt thép được giải quyết như sau :

a) Loại nhà khung sắt thép lắp dựng hoàn toàn kể cả khung, mái, tường che chắn bằng vật liệu nhẹ hoặc bằng kim loại đã gia công sẵn (bình quân các mức phụ cấp lưu động) là 20% của chi phí trực tiếp bao gồm :

Chi phí nhân công + Chi phí vật liệu (kể cả giá các cấu kiện sắt thép) + Chi phí sử dụng máy, không bao gồm chi phí trực tiếp khác.

b) Loại nhà khung sắt thép lắp dựng, kết hợp xây tường, che chắn bằng vật liệu nặng (bình quân các mức phụ cấp lưu động) là 7% của chi phí trực tiếp bao gồm :

Chi phí nhân công + Chi phí vật liệu (kể cả giá các cấu kiện sắt thép) + Chi phí sử dụng máy, không bao gồm chi phí trực tiếp khác.

c) Các cấu kiện (khung sắt thép) tự gia công, thi khâu gia công, được tính phụ phí là 109% của tiền lương cơ bản công nhân. Phụ phí này được tính vào giá của các cấu kiện tự gia công đó để tính phụ phí thi công như đã nói ở điểm a và b trong mục 4 này.

5. Các định mức tỷ lệ phụ phí quy định trong văn bản này đã tính các chi phí cho bộ máy quản lý công ty, công trường rồi. Do đó, các công ty thi công dưới công ty có nhiều công trường, công ty đó được giữ một phần chi phí quản lý hành chính để chi cho bộ máy quản lý công ty.

Trường hợp bên trên công trường không có công ty, công trường đó được giữ toàn bộ định

mức tỷ lệ phụ phí, không phải trích nộp cho một cơ quan nào khác.

6. Các định mức tỷ lệ phụ phí quy định trong văn bản này được áp dụng cho các khối lượng xây lắp công trình thi công từ ngày 1 tháng 7 năm 1976 trở đi.

Thông tư này thay thế cho các thông tư sau đây :

— Thông tư số 159-UB/KTXD ngày 25-10-1968 của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước,

— Thông tư số 231-UB/KTXD ngày 26-6-1973 của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước

Hà-nội, ngày 23 tháng 3 năm 1976

K.T. Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Thứ trưởng

HOÀNG NGỌC NHÂN

## BỘ GIÁO DỤC

**QUYẾT ĐỊNH số 599-QĐ ngày 6-4-1976**  
sửa đổi một số điều khoản trong quy chế thi hết cấp I và cấp II phổ thông ban hành kèm theo quyết định số 213-QĐ ngày 2-4-1975.

## BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

*Căn cứ nghị định số 19-CP ngày 29-1-1966 và nghị định số 6-CP ngày 7-1-1971 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Giáo dục ;*

*Theo đề nghị của đồng chí Vụ trưởng Vụ Giáo dục phổ thông cấp I và II Bộ Giáo dục,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay bãi bỏ các điều 6, 7, 11, 12, 18, 19 và 20 trong quy chế thi hết cấp I và thi hết cấp II phổ thông đã ban hành theo quyết định số 213-QĐ ngày 2-4-1975\* và thay

(\* ) In trong Công báo 1975, số 10, trang 147.